**3.1. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:**

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

| Mục | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|---|---|
| | | **Đạt** | **Không đạt** |
| **1** | **Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ** | | |
| **1.1** | Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ | Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ đáp ứng tất cả các yêu cầu về kỹ thuật tại Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT | Không có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ đáp ứng tất cả các yêu cầu về kỹ thuật tại Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT |
| **1.2** | Yêu cầu kỹ thuật chung | Có cam kết và tuyên bố đáp ứng các yêu cầu tại Chương V của E-HSMT | Không có cam kết và tuyên bố đáp ứng các yêu cầu tại Chương V của E-HSMT |
| **1.3** | Tính hợp lệ của hàng hóa | - Hàng hóa có ký mã hiệu, xuất xứ rõ ràng<br>- Cam kết hàng hóa mới 100% chưa qua sử dụng | - Hàng hóa không có ký ký hiệu, xuất xứ rõ ràng<br>- Không có Cam kết hàng hóa mới 100% chưa qua sử dụng |
| **2** | **Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, bàn giao hàng hóa** | | |
| **2.1** | Biện pháp tổ chức cung cấp, bàn giao hàng hóa | Nhà thầu thuyết minh chi tiết về Biện pháp tổ chức cung cấp, bàn giao hàng hóa phù hợp yêu cầu của E-HSMT. | Nhà thầu không thuyết minh hoặc có thuyết minh về Biện pháp tổ chức cung cấp, bàn giao hàng hóa, nhưng sơ sài, không phù hợp yêu cầu của E-HSMT. |
| **2.2** | Biện pháp đảm bảo chất lượng | Nhà thầu thuyết minh chi tiết về biện pháp đảm bảo | Nhà thầu không thuyết minh hoặc có thuyết minh về biện |

| Mục | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|---|---|
| | | **Đạt** | **Không đạt** |
| | hàng hóa | chất lượng hàng hóa; quy trình kiểm soát chất lượng cụ thể cho từng loại mặt hàng trước, trong và sau khi lắp đặt | pháp đảm bảo chất lượng hàng hóa; quy trình kiểm soát chất lượng cụ thể cho từng loại mặt hàng trước, trong và sau khi lắp đặt nhưng sơ sài, không phù hợp yêu cầu của E-HSMT |
| **2.3** | Có kế hoạch nghiệm thu công việc gói thầu | Nhà thầu thuyết minh chi tiết về kế hoạch nghiệm thu công việc gói thầu cụ thể, hợp lý và phù hợp với tiến độ nhà thầu đề xuất. | Nhà thầu không thuyết minh hoặc có thuyết minh về kế hoạch nghiệm thu công việc gói thầu cụ thể, hợp lý và phù hợp với tiến độ nhà thầu đề xuất nhưng sơ sài, không phù hợp yêu cầu của E-HSMT |
| **3** | **Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì** | | |
| **3.1** | Kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì | Nhà thầu trình bày kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì bao gồm: Thời gian và quy trình phù hợp với yêu cầu của E-HSMT.<br>Có cam kết thu hồi hàng hóa trong trường hợp hàng đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Chủ đầu tư và phải thực hiện thay thế hàng hóa trong vòng 07 ngày làm việc sau khi chủ đầu tư thông báo | Nhà thầu không trình bày hoặc có trình bày nhưng không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.<br>Không có cam kết thu hồi hàng hóa trong trường hợp hàng đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Chủ đầu tư và phải thực hiện thay thế hàng hóa trong vòng 07 ngày làm việc sau khi chủ đầu tư thông báo |

| Mục | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|---|---|
| | | **Đạt** | **Không đạt** |
| **3.2** | Năng lực cung cấp các dịch vụ sau bán hàng | Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây:<br>- Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.<br>- Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT. | Nhà thầu không có một trong các tài liệu chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng. |
| **4** | **Khả năng thích ứng về địa lý, môi trường** | | |
| **4.1** | Khả năng thích ứng về địa lý, môi trường | Hàng hóa được cung cấp thích ứng về địa lý, môi trường | Hàng hóa được cung cấp không thích ứng về địa lý, môi trường hoặc nhà thầu không đề xuất |
| **4.2** | Tác động tới môi trường và biện pháp giải quyết | Hàng hóa được cung cấp không ảnh hưởng đến môi trường hoặc Hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động đến môi trường nhưng có đề xuất biện pháp giải quyết khả thi | Hàng hóa được cung cấp có ảnh hưởng tác động đến môi trường và không có đề xuất biện pháp giải quyết khả thi hoặc nhà thầu không đề xuất |
| **5** | **Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển** | | |

| Mục | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|---|---|
| | | **Đạt** | **Không đạt** |
| | **giao công nghệ** | | |
| | Điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ | Nhà thầu có thuyết minh đề xuất cụ thể, chi tiết điều kiện thương mại (điều kiện giao hàng, tạm ứng, thanh toán, quyết toán…), thời gian giao hàng, đào tạo hướng dẫn sử dụng hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp, thời gian thực hiện hợp đồng | Nhà thầu không có thuyết minh điều kiện thương mại (điều kiện giao hàng, tạm ứng, thanh toán, quyết toán…), thời gian giao hàng, đào tạo hướng dẫn sử dụng hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi hoặc không phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp, thời gian thực hiện hợp đồng. |
| **6** | **Tiến độ cung cấp hàng hóa** | | |
| **6.1** | Thời gian giao hàng | Đáp ứng yêu cầu về phạm vi và tiến độ thực hiện theo E-HSMT | Không đáp ứng yêu cầu về phạm vi và tiến độ thực hiện theo E-HSMT |
| **6.2** | Tiến độ cung cấp hàng hóa, bố trí nhân lực thể hiện quá trình triển khai thực hiện hợp đồng của nhà thầu | Có biểu tiến độ cung cấp hàng hóa, bố trí nhân lực thể hiện quá trình triển khai thực hiện hợp đồng của nhà thầu (từ sau khi ký hợp đồng đến khi hoàn thành hợp đồng) phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu Chương V thuộc E HSMT. | Không có biểu tiến độ cung cấp hàng hóa, bố trí nhân lực thể hiện quá trình triển khai thực hiện hợp đồng của nhà thầu (từ sau khi ký hợp đồng đến khi hoàn thành hợp đồng) phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu Chương V thuộc E HSMT. |
| **7** | **Các yếu tố yêu cầu khác** | | |
| | Biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường trong | Nhà thầu có thuyết minh về biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện (giao nhận hàng | Nhà thầu không có thuyết minh về biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện (giao nhận |

| Mục | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|---|---|
| | | **Đạt** | **Không đạt** |
| | | hóa, vận chuyển, bàn giao, lưu kho…) | hàng hóa, vận chuyển, bàn giao, lưu kho…) |
| **8** | **Uy tín của nhà thầu thông qua kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP** | | |
| | Uy tín của nhà thầu thông qua kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP | Nhà thầu có đầy đủ cam kết:<br>- Không có từ 02 hợp đồng trở lên không hoàn thành đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay của nhà thầu, trong vòng 03 năm trở lại đây (hợp đồng hoàn thành từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu)<br>- Nhà thầu không có hợp đồng nào bị chủ đầu tư đánh giá là chậm tiến độ hợp đồng;<br>- Nhà thầu không có hợp đồng nào bị chủ đầu tư đánh giá là hàng hóa không đảm bảo chất<br>lượng;<br>- Nhà thầu không có hợp đồng nào bị chủ đầu tư đánh giá là vi phạm hợp đồng, hoặc bị chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu<br>- Nhà thầu tham gia dự không có vi phạm dẫn đến bị thu bảo lãnh dự thầu hoặc bảo lãnh thực hiện hợp đồng<br>- Nhà thầu không có vi phạm về gian lận (kê khai không trung thực hoặc làm giả hồ sơ...) trong đấu thầu, dẫn | Không đáp ứng 01 trong các điều kiện ở trên<br>Hoặc nhà thầu có cam kết, mà Chủ đầu tư kiểm tra, thu thập thông tin là nhà thầu vi phạm, thì sẽ vẫn đánh giá là không đạt |

| Mục | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|---|---|
| | | **Đạt** | **Không đạt** |
| | | đến bị xử phạt hoặc trong thời hạn bị cấm đấu thầu (Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải đáp ứng nội dung này) | |
| **9** | **Yêu cầu khác** | | |
| | Yêu cầu khác | Đáp ứng đầy đủ tất cả các yêu cầu khác trong E-HSMT. | Nhà thầu không đáp ứng một trong các yêu cầu khác trong E-HSMT. |
| **Kết luận** | | **Đạt tất cả các yêu cầu nêu trên** | **Có một nội dung không đạt** |

**Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

**4.1. Phương pháp giá thấp nhất:**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

**Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có): Không**

**Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có): không**